

Bản án số: 11/2024/HS-ST

Ngày: 14-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận;

Ông Bùi Văn Sinh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trương Thị Lê T, sinh ngày 04-02-1988 tại tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn A, sinh năm 1960 (chết) và con bà Võ Thị L, sinh năm 1963 (chết); Có 02 anh em, bị cáo là con út trong gia đình; Có chồng tên Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1979; Có 02 người con: Lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Trần Thị T2, sinh năm 2003 (có mặt).

Cư trú: Ấp Thị, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1979 (có mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 18-9-2023, Trương Thị Lệ T từ nhà ở ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 66K1-273.66 (xe do ông Nguyễn Văn G đứng tên giấy đăng ký) chạy đến cửa hàng B ở khóm A, thị trấn S, huyện T mua đồ. Khi vào cửa hàng, Thu mua khoảng 05 con cá biển, sau đó T đưa cho chị Trần Thị T2 (nhân viên cửa hàng) đi làm cá, còn T tiếp tục đi lại lựa mua thêm rau củ thì lúc này T phát hiện trên kệ có 01 điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng nên T dùng tay lấy điện thoại bỏ vào túi áo khoác đang mặc. Sau khi chị T2 làm cá xong thì ra đưa cá cho T, sau đó T ra quầy tính tiền và điều khiển xe mô tô chạy về nhà. Khi về nhà T tháo sim ra và cất giấu điện thoại vào tủ đồ trong phòng ngủ. Một lúc sau chị T2 kiểm tra lại điện thoại thì phát hiện mất nên trình báo sự việc đến Công an thị trấn S, huyện T. Qua trích xuất camera, Công an thị trấn S, huyện T mời T về trụ sở làm việc, tại đây T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp điện thoại như đã nêu trên.

*** Vật chứng của vụ án thu giữ:**

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng, bên ngoài có ốp lưng nhựa trong suốt; 01 (Một) ốp lưng bằng nhựa màu trong suốt và 01 (Một) sim Viettel số 0983850580, đã qua sử dụng.

- 04 (Bốn) đoạn video trích xuất từ Camera chứa trong DVD-R, hiệu KACHI.

- 01 (Một) bộ đồ thun màu vàng; 01 (Một) áo khoác màu đen cam, sọc ca rô, ghi chữ GUCCI và 01 (Một) nón bảo hiểm màu xanh, viền xám có dòng chữ “XE MÁY THANH PHONG”;

- 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 66K1-273.66, nhãn hiệu Wave, màu sơn đen-bạc, số khung: RLHJA390HY198790, số máy JA39E0198870, đã qua sử dụng.

***Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 40/KL-HĐĐG ngày 26-10-2023** của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng đã qua sử dụng, giá trị định giá 7.000.000 đồng; 01 (Một) ốp lưng bằng nhựa màu trong suốt đã qua sử dụng, giá trị định giá 20.000 đồng; 01 (Một) sim Viettel số 0983850580, giá trị định giá 100.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 7.120.000 đồng.

Đối với 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 66K1-273.66, nhãn hiệu Wave, màu sơn đen-bạc, xe do ông Nguyễn Văn G (đã chết) đứng tên giấy đăng ký, xe này gia đình ông G cho anh Nguyễn Thanh T1 (con ruột ông G) mượn chạy. Việc T lấy xe chạy đến Bách Hóa X mua đồ, sau đó T lấy trộm điện thoại của

chị T2 thì anh T1 không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý trả lại xe cho anh T1 nên không xem xét giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 10/CT-VKSTH ngày 31-01-2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Trương Thị Lệ T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trương Thị Lệ T thừa nhận toàn bộ hành vi của bị cáo như nội dung cáo trạng truy tố, bị cáo thừa nhận hành vi của bị cáo là có lỗi và vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại Trần Thị T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự (vì đã nhận lại tài sản bị mất) và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Thị Lệ T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình có hoàn cảnh khó khăn và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Thị Lệ T mức án từ 03 (Ba) đến 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng tuyên trả lại cho bị cáo Trương Thị Lệ T: 01 (Một) bộ đồ thun màu vàng; 01 (Một) áo khoác màu đen cam, sọc ca rô, ghi chữ GUCCI và 01 (Một) nón bảo hiểm màu xanh, viền xám có dòng chữ “XE MÁY THANH PHONG” Hiện các vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý.

Bị cáo, bị hại không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp

luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo Trương Thị Lệ T phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Trương Thị Lệ T có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị hại Trần Thị T2: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS Max màu vàng; 01 ốp lưng bằng nhựa trong suốt và 01 sim Viettel số 0983850580, tổng tài sản có giá trị 7.120.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo Trương Thị Lệ T đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Hội đồng xét xử nhận thấy hành vi vi phạm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại, gây lo lắng trong cộng đồng dân cư và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần xét xử bị cáo với mức án tương xứng với hành vi, không chỉ vì để xử phạt bị cáo mà còn để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Trương Thị Lệ T chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trương Thị Lệ T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Trương Thị Lệ T có hoàn cảnh gia đình khó khăn và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ các nhận định trên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cụ thể là trả lại cho bị cáo Trương Thị Lệ T: 01 (Một) bộ đồ thun màu vàng; 01 (Một) áo khoác màu đen cam, sọc ca rô, ghi chữ GUCCI và 01 (Một) nón bảo hiểm màu xanh, viền xám có dòng chữ “XE MÁY THANH PHONG” Hiện các vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Thị Lệ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Xét thấy phát biểu luận tội, đề nghị mức hình phạt, xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Lệ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Lệ T 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trương Thị Lệ T: 01 (Một) bộ đồ thun màu vàng; 01 (Một) áo khoác màu đen cam, sọc ca rô, ghi chữ GUCCI và 01 (Một) nón bảo hiểm màu xanh, viền xám có dòng chữ “XE MÁY THANH PHONG”.

(Các vật chứng nêu trên hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng đang quản lý theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01-02-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Thị Lệ T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 14-3-2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tân Hồng;
- Cơ quan THAHS CA huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Dung